

# VẤN ĐỀ ĐỊNH HƯỚNG GIÁ TRỊ ĐẠO ĐỨC TRONG NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG Y — SINH HỌC HIỆN ĐẠI

NGUYỄN VĂN VIỆT (\*)

*Khẳng định sự phát triển mạnh mẽ của y – sinh học hiện đại trong vài thập niên gần đây không chỉ đem lại những lợi ích chưa từng thấy cho xã hội, cho sự phát triển con người, mà còn tạo ra những nguy cơ tiềm ẩn cho đời sống văn hoá - xã hội, hệ sinh thái và cho chính sự tồn vong của con người, tác giả bài viết đã phân tích và luận giải vì sao vấn đề định hướng giá trị đạo đức được đặt ra như một đòi hỏi cấp thiết và thu hút sự quan tâm của cả cộng đồng nhân loại trong nghiên cứu và ứng dụng các thành tựu mới của y – sinh học hiện đại.*

Chúng ta đều biết, sự phát triển mạnh mẽ của y – sinh học hiện đại (*modern biomedicine*) trong vài thập niên gần đây đã tạo ra những hệ quả kép. *Một mặt*, nó đem lại những lợi ích chưa từng thấy cho xã hội, cho sự phát triển con người; *mặt khác*, việc sử dụng nó một cách thiếu ý thức đang tạo ra những nguy cơ tiềm ẩn cho đời sống văn hóa – xã hội, hệ sinh thái và cho chính sự tồn vong của con người. Trong bối cảnh này, khía cạnh đạo đức đối với việc nghiên cứu và ứng dụng y – sinh học hiện đại đã được đặt ra như một đòi hỏi cấp thiết.

Có thể hiểu y – sinh học hiện đại là ngành khoa học sử dụng sinh học hiện đại, đặc biệt là các thành quả của sinh học phân tử và di truyền, vào việc nghiên cứu và ứng dụng những thành tựu mới của y học nhằm chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho con người. Trong vài thập kỷ gần đây, với khả năng cắt – ghép – chếp gen, y – sinh học hiện đại đã vượt qua giới hạn của việc mô tả sự sống để vươn tới khả năng điều khiển sự sống. Khả năng này đã làm cho việc nghiên cứu và ứng dụng y – sinh học hiện đại trở thành một trong những nhân tố có ý nghĩa đối với việc nâng cao sức khỏe con người, mặc dù nó cũng chứa đựng một sự mạo hiểm nào đó.

Xét về mặt lợi ích, y – sinh học hiện đại có thể giúp con người nâng cao khả năng chẩn đoán y học đối với một số căn bệnh hiểm nghèo có liên quan đến di truyền. Những kỹ thuật mới của y – sinh học hiện đại cũng đã được con người sử dụng để tạo ra nhiều loại protein khác nhau không những với số lượng lớn, mà còn có thể biến đổi chất lượng. Thậm chí, với kỹ thuật tạo dòng các gen, người ta có thể tung ra thị trường nhiều loại lương thực, thực phẩm giàu các loại vitamin thiết yếu (nhưng thường thiếu trong cơ thể), hoặc những loại cây chứa sẵn một số kháng sinh, vắc xin ngừa bệnh, v.v.. Một trong những tiềm năng đặc biệt của y – sinh học hiện đại là khả năng chữa trị bệnh nhờ “sửa chữa” gen hoặc tạo ra một cơ thể hoàn hảo để từ đó, “diệt” tận gốc những nguyên nhân gây bệnh có nguồn gốc từ di truyền trong cơ thể người.

Nhưng, chính trong những ứng dụng mang lại lợi ích to lớn đó, y – sinh học hiện đại cũng đang tiềm ẩn bên trong những sự mạo hiểm không nhỏ. Ngày nay, ngay cả những người ít quan tâm đến vấn đề môi trường sống cũng biết rằng, môi trường sống của con người đang bị hủy hoại, trái đất đang nóng dần lên, mưa axit, nước biển bị ô nhiễm, lỗ thủng tầng ôzôn, nạn khô

(\*) Tiến sĩ, Trường Cao đẳng Sư phạm Long An.

hạn và bão lụt... Song, không nhiều người biết được những hệ quả đó có thể xuất phát từ những hiểm họa tiềm tàng trong các công nghệ y – sinh học hiện đại. Chúng tôi xin nêu một ví dụ điển hình. Chúng ta từng vui mừng vì đã tạo ra được những loại cây chịu được thuốc diệt cỏ bằng việc truyền gen đặc biệt cho nó và nhờ đó, giảm được rất nhiều công làm cỏ. Song, hãy thử tưởng tượng rằng, nếu các gen đặc biệt ấy nhiễm sang những loại cây không mong muốn thì điều gì sẽ xảy ra. Khi đó, chắc chắn không còn cây nào sống được ngoài một vài loài có gen đặc biệt ấy và tính đa dạng của hệ sinh thái cũng vì thế mà biến mất. Trong kỹ thuật ghép gen, chúng ta cũng chưa rõ hệ quả sẽ như thế nào, nếu những gen ấy được ghép vào đối tượng không có chức năng như dự đoán. Điểm đặc biệt hơn là, y – sinh học hiện đại không chỉ can thiệp vào tính di truyền của động – thực vật, mà còn vào tính di truyền của bộ gen người thông qua việc can thiệp vào tế bào sinh dục. Khả năng này được gọi là kỹ thuật dòng mầm (*germ line*). Với kỹ thuật này, bộ gen người, sản phẩm của hàng triệu năm tiến hóa, sẽ bị thay đổi, nhiều gen cũ bị mất đi, nhiều gen mới xuất hiện để thỏa mãn ước mơ của con người về thể lực và trí lực. Không ai từ chối những phẩm chất mong muốn đó, nhưng người ta lại chưa biết rõ những gen được cho là tốt trong điều kiện hiện nay liệu có mang lại những bất lợi trong tương lai. Việc thay đổi kết quả của hàng triệu năm tiến hóa trong bộ gen người phải chăng đang dẫn loài người đến thảm họa hủy diệt trong tương lai? Tất cả những vấn đề đó đòi hỏi các nhà khoa học phải nghiên cứu nhiều năm nữa mới có thể tìm ra câu trả lời thỏa đáng.

Nếu các nhà khoa học vượt qua được những thách thức về chuyên môn cho các vấn đề vừa phân tích, thì họ vẫn phải đối mặt với những vấn đề được đặt ra từ khía cạnh đạo đức trong việc nghiên cứu và ứng dụng y – sinh học hiện đại. Trong rất nhiều

trường hợp, việc ứng dụng y – sinh học hiện đại đã vô tình hay hữu ý biến con người thành những công cụ hữu ích, những “con chuột đồng” cho thí nghiệm khoa học. Việc người ta tung ra thị trường các sản phẩm biến đổi gen mà chưa có những đảm bảo chắc chắn về tính an toàn là một ví dụ. Ở đây, để thỏa mãn mục đích nghiên cứu hay thu lợi nhuận, người ta đã bất chấp những tiêu chuẩn đạo đức xã hội. Đó là hành động hạ thấp phẩm giá con người và hơn nữa, còn là phá vỡ cả những giá trị căn bản nhất của con người. Trường hợp nhân bản vô tính người là một ví dụ điển hình. Giả sử, nếu một ngày nào đó, tham vọng tạo ra những đứa trẻ bằng sinh sản vô tính của Tiến sĩ Severino Antinori và cộng sự được thực hiện, loài người chắc sẽ phải bàng hoàng bởi nó lật ngược lại các giá trị truyền thống gắn với quan hệ gia đình, huyết thống. Sẽ có tình trạng nhập nhằng trong việc xác định quan hệ giữa đứa trẻ được tạo ra bằng sinh sản vô tính với người cho tế bào để thực hiện việc nhân bản đó: hai người có quan hệ cha con hay anh em? Mặt khác, đứa trẻ được sinh ra như vậy luôn phải mang một gánh nặng tâm lý bởi ý nghĩ nó là một bản sao, một sự vay mượn, hay sự xuất hiện ở nó cảm giác lo âu về sự thay đổi cá tính. Nhưng, điều đáng sợ nhất là, nó có thể trở thành điểm khởi đầu cho chu trình tạo ra một xã hội con người không còn biết đến tổ tiên, không rõ nguồn gốc. Đó mới chỉ là một số hệ quả trong số rất nhiều hệ quả có thể xảy ra, nếu y – sinh học hiện đại không quan tâm đến khía cạnh đạo đức trong sự phát triển của mình.

Điều nói trên cho thấy, khía cạnh đạo đức trong nghiên cứu và ứng dụng y – sinh học hiện đại là một vấn đề rất đáng được quan tâm. Theo chúng tôi, với tư cách một biểu hiện lý tưởng của cái có ý nghĩa về mặt xã hội đối với con người, giá trị đạo đức phải thực sự trở thành một trong những sự quan tâm không thể thiếu được

trong nghiên cứu và ứng dụng y – sinh học hiện đại.

Đánh giá một cách khách quan, mong muốn tách y – sinh học hiện đại khỏi sự quan tâm đến giá trị đạo đức có thể xuất phát từ một động cơ đúng. Nhiều nhà khoa học không muốn bị chi phối bởi các động cơ chính trị khiến cho việc ứng dụng y – sinh học hiện đại bị lợi dụng vì những mục đích không chính đáng. Song, cũng không loại trừ một nguyên nhân không kém phần quan trọng là, nhiều nhà khoa học muốn thoát ra khỏi những ràng buộc bởi giá trị đạo đức chỉ vì muốn được theo đuổi đến cùng ước muốn cá nhân với tinh thần khoa học chỉ vì khoa học.

Theo chúng tôi, dù xuất phát từ động cơ nào đi nữa thì khuynh hướng đó cũng đã có sự nhầm lẫn. Trước hết, cần phải khẳng định rằng, y – sinh học hiện đại không thể tách rời giá trị đạo đức. Khác với đa số các khoa học tự nhiên khác, y – sinh học hiện đại là khoa học hướng trực tiếp đến sự sống con người; đối tượng của nó là khía cạnh sinh học của con người, song trong bản chất của mình, con người là sự thống nhất giữa cái sinh học và cái xã hội. Vì vậy, khi nghiên cứu con người, nó không thể không quan tâm đến bản chất xã hội của con người, bên cạnh những yếu tố sinh học. Như thế có nghĩa là, nếu như đa số khoa học tự nhiên khác, ở mức nào đó, có thể không cần phải quan tâm đến khía cạnh đạo đức, thì y – sinh học hiện đại, trong mỗi bước phát triển của mình, đều phải tính đến.

Việc một số nhà khoa học cho rằng y – sinh học hiện đại tự do, trung lập với các giá trị đạo đức là một sự nhầm lẫn trong cách hiểu về tính trung lập. Xét ở bình diện nhận thức, nhà khoa học không được phép có thành kiến, thiên vị, chủ quan trong nhận thức, và tri thức khoa học phải là tri thức phản ánh chân thực hiện thực khách quan, không vì lợi ích của giai cấp này hay giai cấp khác, hay vì những mục đích riêng

tư mà có sự ngã nghiêng, thiên vị. Xét ở bình diện giá trị đạo đức, sự trung lập đó cũng đồng nghĩa với sự vô trách nhiệm đối với những hậu quả liên quan đến việc nghiên cứu và ứng dụng thành tựu khoa học. Phải chăng, là một nhà khoa học tự nhiên, người ta chỉ cần tồn tại với tư cách nhà khoa học mà không cần đến tư cách một công dân? Theo chúng tôi, trên phương diện trách nhiệm xã hội, nhà khoa học với tư cách nhà khoa học luôn luôn phải gắn với nhà khoa học với tư cách một công dân. Yêu cầu phát triển đòi hỏi nhà khoa học phải tận tâm vì khoa học, song nghiên cứu khoa học chỉ vì khoa học mà thiếu quan tâm đến trách nhiệm xã hội, trách nhiệm công dân, thì rất dễ dẫn đến những hậu quả khó lường. Yêu cầu này buộc nhà khoa học phải luôn lấy sự sinh tồn của con người làm mục đích trong mọi nghiên cứu và ứng dụng của mình.

Xét cho cùng, khoa học tự nhiên nói chung, y – sinh học hiện đại nói riêng, không có mục đích tự thân, mà vì cuộc sống con người. Ngay từ thời cổ đại, Platôn đã từng khẳng định rằng, trên đỉnh “Kim tự tháp” của các ý tưởng không phải là chân lý, mà là phúc lợi cho con người. Quan niệm này đã được C.Mác trình bày một cách thuyết phục trong *Bản thảo kinh tế triết học năm 1844*. Ông cho rằng, trong lịch sử, khoa học tự nhiên đã từng bị xem là xa lạ với cuộc sống hiện thực, “cả đến môn sử ký cũng chỉ nhân tiện chú ý đến khoa học tự nhiên như là nhân tố của sự khai sáng, của tính có ích của những phát hiện lớn cá biệt. Nhưng khoa học tự nhiên nhờ có công nghiệp mà càng thâm nhập một cách thực tiễn vào đời sống con người, cải tạo đời sống con người và chuẩn bị cho việc giải phóng con người, mặc dầu nó trực tiếp buộc phải hoàn tất việc phi nhân hóa các quan hệ con người. Do đó khoa học tự nhiên sẽ mất cái phương hướng vật chất trừu tượng hay, nói đúng hơn, cái phương hướng duy tâm chủ nghĩa của nó và sẽ trở

thành cơ sở của khoa học của con người,... thành cơ sở của đời sống con người hiện thực, còn như lấy một cơ sở này cho đời sống và một cơ sở khác cho khoa học thì ngay từ đầu đó là một sự nói láo”(1).

Những lập luận trên cho phép chúng ta kết luận: *Tri thức khoa học tự nhiên nói chung, y – sinh học hiện đại nói riêng có thể trung lập về mặt giá trị trong quan hệ nhận thức, nhưng phải thích hợp về mặt giá trị trên bình diện đạo đức, xã hội.* Khả năng trung lập về mặt giá trị của tri thức trong các khoa học này chưa phải là sự bảo đảm cho việc áp dụng khoa học vì lợi ích xã hội. Trên bình diện đời sống xã hội, khoa học tự nhiên, y – sinh học hiện đại không có tính trung lập; ở đây, những giá trị văn hóa, giá trị đạo đức luôn có vai trò của chúng – vai trò định hướng.

Vai trò định hướng của các giá trị văn hóa, giá trị đạo đức đối với việc nghiên cứu và ứng dụng y – sinh học hiện đại được thể hiện ở chỗ, mặc dù là những mong muốn chủ quan của con người, song chúng lại xuất phát từ yêu cầu khách quan của tiến bộ xã hội và do vậy, thể hiện tính tất yếu, tính quy luật của sự phát triển xã hội. Thông qua những định hướng giá trị này, y – sinh học hiện đại sẽ phát huy được những tiềm năng to lớn và hạn chế tối đa những hậu quả có thể là cực kỳ nguy hiểm đối với sự tồn vong của con người và hệ sinh thái.

Yêu cầu mang tính quy luật của tiến bộ xã hội không chỉ đòi hỏi phải định hướng giá trị văn hóa, giá trị đạo đức cho y – sinh học hiện đại, mà nó còn đòi hỏi định hướng đó phải thật sự hợp lý để sao cho, vừa có thể hạn chế tới mức tối đa những hậu quả xấu có thể xảy ra, khi nghiên cứu và ứng dụng các thành quả của nó, vừa có thể tạo điều kiện cho những bước phát triển tiếp theo của chính khoa học này. Đảm bảo yêu cầu khách quan này, những định hướng giá trị đó, đương nhiên, không thể là những định hướng tùy tiện, mà phải có cách thức phù hợp với đặc điểm đối tượng. Đối với y –

sinh học hiện đại, đặc điểm đó gắn liền với hai lĩnh vực chủ yếu là nghiên cứu và ứng dụng các thành tựu mới của nó. Do vậy, mục đích và nhiệm vụ của các nhà nghiên cứu và các nhà kỹ thuật (ứng dụng) cũng có sự phân biệt. Triển khai nghiên cứu chủ yếu là thể hiện năng lực nhận thức, còn triển khai ứng dụng chủ yếu là thể hiện nhu cầu xã hội. Nếu các nhà nghiên cứu chủ yếu quan tâm đến những mối quan hệ hiện ra trước người quan sát để phản ánh một cách đầy đủ và chính xác nhất về chúng, thì các nhà kỹ thuật cố gắng tạo ra những sản phẩm mới cho xã hội trên cơ sở sử dụng những thông tin có được từ việc nghiên cứu.

Với sự khác nhau như vậy, việc định hướng các giá trị văn hóa, giá trị đạo đức trong nghiên cứu và ứng dụng y – sinh học hiện đại cần phải phù hợp cho mỗi lĩnh vực đặc thù này. Mục tiêu cụ thể mà nghiên cứu hướng đến là phát hiện ra những mối quan hệ hiển nhiên nhằm làm gia tăng những hiểu biết về đối tượng. Nhờ những nghiên cứu, chúng ta mới tìm ra những tri thức mới, từ đó hình thành lượng dự trữ khoa học làm cơ sở cho các công nghệ ứng dụng. Sự định hướng đối với nghiên cứu là cần thiết để đảm bảo mục đích xã hội của nó, song đôi khi cản ngang, làm đứt đoạn những lôgic cần thiết của công việc nghiên cứu rất có thể làm cho nó không thể đạt được những kết quả mong muốn. Mặt khác, bản thân mỗi thành tựu nghiên cứu lại luôn có nhiều ứng dụng khác nhau mà chúng ta không thể lường hết được. Do vậy, không nên ngăn chặn sự phát triển của nó chỉ vì khả năng ứng dụng có hại nào đó mà chúng ta đã biết. Thêm nữa, các kết quả nghiên cứu muốn tác động đến hiện thực còn phải trải qua một khâu trung gian là biến thành các kỹ thuật ứng dụng. Bản thân nó, nếu không được sử dụng thông

(1) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Toàn tập*, t. 42. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 178 – 179.

qua các giải pháp kỹ thuật, thì không thể gây nên những tác động lợi, hại nào đó. Vì thế, theo chúng tôi, chỉ trong những trường hợp chắc chắn về tính bất lợi trong các nghiên cứu y – sinh học hiện đại thì việc can thiệp vào hướng phát triển nào đó mới thực sự là điều có ý nghĩa. Trong những trường hợp cần phải có sự lựa chọn một hướng nghiên cứu nào đó, vì chắc chắn nó có thể đem lại lợi ích, song lại tiềm ẩn sự mạo hiểm, thì chúng ta cần phải dự kiến các giải pháp an toàn để ngăn ngừa những tác hại có thể xảy ra. Ví dụ, chương trình hỗ trợ bộ gen người (HGP) là một chương trình lớn và có ý nghĩa quan trọng đối với đời sống xã hội và sự phát triển con người, nên nó được rất nhiều nước, nhiều tổ chức phi chính phủ quan tâm và hợp tác, song trong nó luôn tiềm ẩn nguy cơ bị lợi dụng vì mục đích phi nhân bản và do vậy, trước và sau khi “bản đồ sự sống” hoàn thành, người ta đã ban hành những quy định bắt buộc, chẳng hạn, cấm không được thao tác trên gen sinh sản.

Tuy nhiên, yêu cầu định hướng giá trị đối với việc phát triển kỹ thuật y – sinh học hiện đại thì lại khác. Nhà kỹ thuật, như chúng ta đều biết, chủ yếu quan tâm đến những kết quả cuối cùng trong ứng dụng. Để đạt được mục đích là sản phẩm kỹ thuật, người ta có thể chỉ quan tâm đến một tập nhỏ các nguyên lý cơ bản có được nhờ nghiên cứu khoa học. Mục đích và phương pháp đó mặc dù nhanh chóng đem lại những ứng dụng cho đời sống và sản xuất, song nó có khả năng phạm những sai lầm nguy hiểm khi bỏ qua nhiều mối liên hệ của đối tượng. Với phương pháp như vậy, kỹ thuật y – sinh học hiện đại luôn tiềm ẩn nhiều mạo hiểm và trở nên đặc biệt nguy hiểm, nếu chỉ gắn với mục đích thu lợi nhuận trong điều kiện kinh tế thị trường. Chẳng hạn, trong điều kiện hiện nay, khi các nghiên cứu y – sinh học hiện

đại còn chưa làm rõ sự tương tác giữa các gen trong bộ gen người diễn ra như thế nào, nhưng đã có những nhà kỹ thuật chủ trương ghép các gen trội nhằm tạo ra những con người hoàn hảo cả về thể lực lẫn trí lực. Những “sáng tạo” kỹ thuật không dựa trên những hiểu biết đầy đủ về sự tương tác của bộ gen người như vậy là hết sức nguy hiểm đối với các giá trị văn hóa, đạo đức. Vì thế, người ta cho rằng, đối với các hoạt động ứng dụng nói chung, ứng dụng y – sinh học hiện đại nói riêng, cần phải có một sự kiểm soát hết sức chặt chẽ bằng những tiêu chuẩn, giá trị văn hóa, đạo đức, đặc biệt là đối với những ứng dụng gắn với mục đích thu lợi nhuận. Sở dĩ nhân bản vô tính, biến đổi di truyền tế bào sinh sản, tạo phôi vì nhu cầu thẩm mỹ, v.v. bị cả thế giới lên tiếng phản đối, đòi ngăn cấm là do nhiều lý do, trong đó có một phần lý do là vì nó có thể làm thay đổi kết quả của hàng triệu năm tiến hóa trong bộ gen người và chứa đựng nguy cơ đưa loài người đến thảm họa hủy diệt trong tương lai.

Với việc định hướng giá trị văn hóa, đạo đức trong nghiên cứu và ứng dụng y – sinh học hiện đại, chắc chắn những nghiên cứu và ứng dụng của nó sẽ thực hiện tốt không chỉ chức năng nhận thức, mà còn cả chức năng xã hội, tạo nên một hệ thống tri thức có sự thống nhất giữa mô tả và tiêu chuẩn, giữa khoa học và giá trị văn hóa, đạo đức, góp phần thúc đẩy tiến bộ xã hội. Thời đại của những bùng nổ các phát hiện “Côpécnic” trong y – sinh học hiện đại đang mở ra cho loài người một sức mạnh mới trong việc kiểm soát và điều khiển sự sống con người. Nếu chúng ta biết kết hợp và thống nhất sức mạnh đó với sức mạnh vốn có của các giá trị truyền thống dân tộc và nhân loại, chắc chắn tương lai tốt đẹp sẽ chờ chúng ta ở phía trước. □